

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2022/HNGĐ-ST

Ngày 27/7/2022

"V/v Ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Xuân Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đức và bà Bùi Thị Lợi.

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh B.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh B tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 27/7/2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 92/2022/TLST-HNGĐ, ngày 25/4/2022 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2022/QĐXXST-DS, ngày 10/6/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 24/6/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 30/6/2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Xuân Đ, sinh năm 1958 (có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Vũ Thị B, sinh năm 1962 (có mặt).

Đều nơi cư trú: Xóm M, xã M, huyện T, tỉnh B.

3. *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn:* Ông Nguyễn Hữu L- Luật sư, Công ty Luật TNHH Tràng An - Chi nhánh tại B thuộc Đoàn luật sư thành phố H. Địa chỉ: Số 228 phố Đ, thị trấn H, huyện T, tỉnh B (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất trình bày:

Quan hệ về hôn nhân: Ông Nguyễn Xuân Đ và bà với bà Vũ Thị B đã được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương vào ngày 25/02/1982 (tức ngày 02/02/1982 âm lịch), nhưng không đăng ký kết hôn. Sau ngày cưới bà B về chung sống cùng ông Đ ngay. Vợ chồng tôi có thời gian chung sống hòa thuận, hạnh phúc.

Theo ông Đ trình bày: Mâu thuẫn vợ chồng ông phát sinh từ năm 2017, nguyên nhân do kinh tế khó khăn nên bà B có những câu nói xúc phạm đến ông. Sau thời gian đó mâu thuẫn vợ chồng tiếp tục kéo dài và ngày càng trầm trọng. Năm 2018 ông đã khởi kiện ly hôn, nhưng ông thấy mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức trầm trọng nên ông đã rút đơn khởi kiện. Đến năm 2020 vợ chồng lại bất đồng quan điểm cũng vì kinh tế gia đình nên vợ chồng đã xảy ra việc cãi nhau và đôi bên có những câu nói xúc phạm đến danh dự của nhau và cũng từ năm 2020 đến nay tuy vợ chồng sống chung một nhà nhưng vợ chồng ăn riêng, đôi bên không còn quan tâm đến nhau và không nói chuyện với nhau nữa. Nay ông xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, chung sống với nhau đôi bên không có hạnh phúc nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà B càng sớm càng tốt.

Theo bà B trình bày: Trong thời gian chung sống giữa bà và ông Đ đã nhiều lần cãi vã nhau và việc cãi nhau đó là chuyện hàng ngày. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do ông Đ cờ bạc, chơi bời và nếu không vì các con bà đã ly hôn với ông Đ từ lâu. Vợ chồng bà đã có thời gian sống ly thân 02 lần vào năm 2019 và năm 2021. Từ năm 2021 đến nay vợ chồng sống ly thân không ai còn quan tâm đến ai. Khi vợ chồng ông bà xảy ra mâu thuẫn Ban ngành đoàn thể ở địa phương đến hòa giải nhưng không có kết quả. Từ đầu năm 2022 đến nay ông Đ có biểu hiện nam nữ bất chính nhưng bà không có bằng chứng. Nay ông Đ xin ly hôn, bà xác định mâu thuẫn vợ chồng chỉ là cãi nhau vặt không có gì là mâu thuẫn lớn; bà vẫn quan tâm, yêu thương chăm sóc ông; các con của ông bà đã trưởng thành nên bà muốn ông bà nương tựa vào nhau lúc tuổi già. Do vậy, bà đề nghị Tòa án hoà giải đoàn tụ và không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông Đ bà B đều trình bày, vợ chồng sinh được 04 con chung đã chết 02 con chung, hiện còn lại 02 con chung là anh Nguyễn Xuân B, sinh năm 1983 và chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1985; hiện nay anh B, chị H đã trưởng thành và đã có gia đình riêng nên ly hôn ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, nợ chung, ruộng đất nông nghiệp và công sức: Ông Đ, bà B đều không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Người bảo vệ quyền và lợi ích cho bà B trình bày quan điểm bảo vệ như sau:

- Thứ nhất: Đề nghị HĐXX xác định quan hệ giữa ông Nguyễn Xuân Đ và bà Vũ Thị B là vợ chồng căn cứ Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội.

- Thứ hai: Mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Xuân Đ và bà Vũ Thị B chưa đến mức trầm trọng khiến đời sống chung không thể kéo dài vì: Trong

suốt 40 năm chung sống ông bà không có điều tiếng gì lớn, cùng nhau chăm lo cho con cái, xây dựng gia đình. Đến nay các con đã trưởng thành và có cuộc sống riêng. Trong đời sống sinh hoạt hằng ngày bà luôn quý trọng, thương yêu chồng con. Cuộc sống tuy còn vất vả và vợ chồng khi xảy ra mâu thuẫn nhỏ nhưng chưa đến mức trầm trọng. Hiện tại ông bà đang sống chung một mái nhà bà vẫn quan tâm chăm sóc đến ông. Ông bà tuổi đã cao nên cần sự nương tựa vào nhau lúc tuổi già và là niềm tự hào của con cháu. Khi ông Đài khởi kiện ly hôn, bà đã làm đơn đến Hội phụ nữ xã Mão Điền và Huyện hội phụ nữ để được giúp đỡ nhằm níu kéo giữ lại gia đình hạnh phúc cho mình.

Từ những căn cứ trên, đề nghị HĐXX bác yêu cầu xin ly hôn của ông Đ vì không đủ căn cứ.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Thẩm phán; Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý, xây dựng hồ sơ vụ án, tổ chức hòa giải và điều hành phiên tòa.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi vụ án thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định tại các Điều 70,71,72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Những yêu cầu, kiến nghị cần khắc phục vi phạm về tố tụng: Không.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Sau khi phân tích đánh giá Đại diện VKS đề nghị HĐXX: Áp dụng điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án; xử:

+ Về quan hệ vợ chồng: Không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Xuân Đ đối với bà Vũ Thị B.

+ Về án phí: Miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho ông Nguyễn Xuân Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Xuân Đ và bà Vũ Thị B đã được gia đình đôi bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương vào ngày 25/02/1982 (tức ngày 02/02/1982 âm lịch), nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Xét thấy, mặc dù ông Đ, bà B không đăng ký kết hôn nhưng ông bà đã chung sống với nhau trước ngày 03/01/1987 nên căn cứ vào điểm a khoản 3

Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội thì quan hệ hôn nhân của ông Đ, bà B vẫn được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Sau ngày cưới bà B về chung sống cùng ông Đ ngay. Vợ chồng ông bà cũng có thời gian chung sống hòa thuận, hạnh phúc.

Xét thấy, quá trình chung sống ông Đ, bà B đều thừa nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhỏ hằng ngày; bà B vẫn thương yêu chăm sóc ông; bà hiện nay bà tuổi đã cao và bệnh tật; các con của ông bà đều có đơn đề nghị Toà án hoà giải để ông bà đoàn tụ. Hội phụ nữ xã M và Huyện Hội phụ nữ đề nghị Toà án bảo vệ quyền lợi của phụ nữ, giữ yên tình hình của địa phương nên đã đề nghị Toà án bác đơn khởi kiện của ông Đ để vợ chồng ông bà về đoàn tụ. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn của ông Đ bà B chưa đến mức trầm trọng. Để tạo điều kiện cho ông Đ, bà B có thời gian suy nghĩ và có quyết định chính xác đối với vấn đề hôn nhân của mình nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Đ đối với bà B là phù hợp vì không thỏa mãn điều kiện cho ly hôn quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình.

[2]. Về con chung: Xác nhận hiện tại vợ chồng ông Đ, bà B có 02 con chung là anh Nguyễn Xuân B, sinh năm 1983 và chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1985; hiện nay anh B, chị H đã trưởng thành và đã có gia đình riêng nên ông bà đều không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung, công sức và ruộng đất nông nghiệp: Ông Đ, bà B không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Hiện tại ông Đ trên 60 tuổi, theo quy định ông Đ là người cao tuổi và ông Đ có đơn xin miễn án phí. Do vậy, căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho ông Đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án:

- Quan về hệ hôn nhân: Xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Nguyễn Xuân Đ đối với bà Vũ Thị B.

- Về án phí: Miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho ông Nguyễn Xuân Đ. Trả lại ông Đ số tiền 300.000 đồng mà ông Đ đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T theo biên lai số: AA/2021/0005526 ngày 25/4/2022.

Ông Đ, bà B có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện T;
- VKSND huyện Tỉnh Bh;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã Mão Điền;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Xuân Hà